

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2010

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.728.753.743.539</b>	<b>1.403.001.033.813</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	228.307.179.556	151.115.119.814
1. Tiền	111		176.042.466.304	78.115.119.814
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.364.713.252	73.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		187.043.586.865	229.706.962.284
1. Đầu tư ngắn hạn	121		195.007.366.865	240.844.162.284
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.963.780.000)	(11.137.200.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		271.493.721.695	231.830.939.079
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	167.067.645.946	174.345.880.455
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	101.838.065.067	17.783.576.966
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.588.010.682	39.501.481.658
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		955.262.448.233	749.997.742.912
1. Hàng tồn kho	141	V.5	973.494.624.636	757.326.938.731
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.232.176.403)	(7.329.195.819)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.646.807.190	40.550.269.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		527.804.707	853.158.421
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.264.147.592	31.727.764.553
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	-	1.090.960.550
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	33.854.854.891	6.278.386.000

Quý II năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>859.238.685.202</b>	<b>819.369.604.131</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>99.025.538.240</b>	<b>119.900.403.989</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	99.025.538.240	119.900.403.989
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>500.138.382.281</b>	<b>427.069.574.845</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	309.119.243.709	295.264.909.104
<i>Nguyên giá</i>	222		447.443.186.390	416.248.015.973
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(138.323.942.681)	(120.983.106.869)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.276.331.190	10.258.484.927
<i>Nguyên giá</i>	228		25.590.341.450	13.293.488.677
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.314.010.260)	(3.035.003.750)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	168.742.807.362	121.546.180.814
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>10.479.901.826</b>	<b>10.480.754.203</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		10.920.878.146	10.882.598.537
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(440.976.320)	(401.844.334)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>193.670.000.000</b>	<b>205.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		950.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	205.000.000.000	205.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.280.000.000)	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>24.453.757.577</b>	<b>25.998.205.427</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>31.471.105.298</b>	<b>30.920.665.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.13	7.820.164.581	7.655.163.457
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.14	7.609.831.946	7.224.393.440
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.15	16.041.108.771	16.041.108.771
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>2.587.992.428.741</b>	<b>2.222.370.637.744</b>

Quý II năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>1.395.804.892.293</b>	<b>1.100.379.840.925</b>
I. Nợ ngắn hạn		310		1.095.252.058.041	860.442.636.196
1.	Nợ ngắn hạn	311	V.16	894.793.435.377	740.728.771.267
2.	Vay và nợ ngắn hạn	312	V.17	117.905.867.046	68.007.460.253
3.	Phải trả người bán	313	V.18	785.809.729	502.699.982
4.	Người mua trả tiền trước	314	V.19	24.859.860.881	13.683.636.023
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	V.20	20.071.154.474	20.064.407.499
6.	Phải trả người lao động	316	V.21	-	-
7.	Chi phí phải trả	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	14.815.481.850	5.044.602.009
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	321		22.040.448.675	12.431.059.163
II. Nợ dài hạn		330		300.552.834.252	239.937.204.729
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.23	296.685.777.018	236.047.248.219
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.867.057.234	3.880.956.510
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>1.129.997.855.362</b>	<b>1.075.521.616.317</b>
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.129.997.855.362	1.075.521.616.317
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	700.000.000.000	700.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		177.076.869.236	177.876.869.236
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		49.446.632.599	52.534.526.623
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		23.722.272.832	39.893.962.099
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	178.952.060.695	105.216.257.459
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tại sản cố định	433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>500</b>		<b>62.189.681.086</b>	<b>46.469.180.502</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>2.587.992.428.741</b>	<b>2.222.370.837.744</b>

Quý II năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

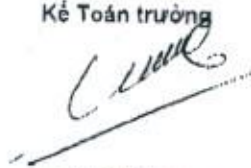
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		319.651.85	3.067.665.31
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Trần Thế Vinh

Kế Toán trưởng



Lưu Minh Trung



Lê Văn Điệp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý II năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo
			Năm 2010	Năm 2009	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	991.874.569.325	664.718.050.398	1.657.137.742.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	26.392.828.889	12.873.020.894	26.681.719.113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	965.481.680.436	651.845.029.514	1.628.456.023.411
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	781.863.751.614	538.311.069.293	1.346.258.271.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.680.888.822	113.533.940.221	287.397.751.799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	10.917.149.855	31.557.438.287	31.479.633.558
7. Chi phí tài chính	22	VL4	51.671.496.982	36.436.522.761	75.673.762.297
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.940.503.051	25.725.05.942	59.862.620.957
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	61.139.584.236	50.474.963.412	97.768.592.111
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	9.777.923.162	7.970.383.718	18.746.700.459
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.909.077.099	50.309.662.617	121.658.940.460
11. Thu nhập khác	31	VL7	1.461.032.257	1.122.272.008	3.152.276.512
12. Chi phí khác	32	VL6	238.626.223	2.307.354.492	371.000.637
13. Lợi nhuận khác	40		1.222.375.074	(1.185.082.484)	2.781.275.675
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết: kinh doanh	50				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		73.131.452.173	49.124.580.133	124.440.216.135
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VL9	10.718.375.281	5.113.625.737	22.607.562.513
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	VL9			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		52.413.076.892	44.010.953.396	102.432.653.622
19.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.415.102.266	1.811.533.464	2.931.628.267
19.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			60.997.974.626	42.199.420.932	99.501.025.355
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VL10	871		1.421
					91.914.056.488
					891.189.797
					92.805.244.685

Kế Toán Trưởng

Người lập biểu



Lê Văn Diệp

Lưu Minh Trung

Trần Thế Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 Tháng đầu năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 Tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

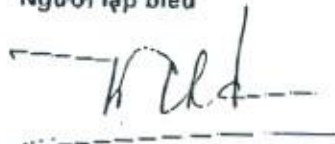
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 Tháng đầu năm 2010	6 Tháng đầu năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		124.440.216.135	98.272.079.807
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	17.653.685.388	15.670.483.950
- Các khoản dự phòng	03		17.883.448.015	(163.415.586.371)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.919.009.910	(96.137.908)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.266.430.682)	110.552.772.316
- Chi phí lãi vay	06		59.802.821.141	45.239.869.567
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		213.432.749.907	106.223.481.361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		429.860.387.496	(220.992.121.795)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(214.041.573.396)	(101.671.176.573)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(466.799.026.180)	134.193.982.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		160.352.590	169.537.636
- Tiền lãi vay đã trả	13		(50.053.511.141)	(35.259.869.567)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.663.913.773)	(353.988.757)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	1.135.172.240	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(32.487.621.343)	(21.108.798.549)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(127.456.983.600)</b>	<b>(138.798.953.281)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(82.834.838.687)	(24.853.641.109)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	554.400.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.604.319.672)	(160.989.613.333)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			105.601.209.663
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.422.641.616)	(12.172.539.261)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		60.826.463.333	103.723.446.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.107.753.140	18.158.760.549
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.927.583.502)</b>	<b>30.022.022.509</b>

6 Tháng đầu năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

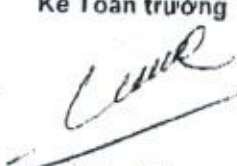
CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 Tháng đầu năm 2010	6 Tháng đầu năm 2009
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	3.316.095.993
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 23	2.024.186.809.587	1.902.673.588.780
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 23	(1.803.878.840.116)	(1.787.620.249.385)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.271.127.677)	(3.305.688.696)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>218.036.841.794</b>	<b>115.063.746.692</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		75.652.274.692	6.286.815.920
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		151.115.119.814	99.678.799.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.539.785.050	15.590.528.497
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>228.307.179.556</b>	<b>121.556.143.745</b>

Người lập biểu



Trần Thế Vinh

Kế Toán trưởng



Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 20 tháng 08 năm 2010


  
Lê Văn Điệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ II NĂM 2010**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú và Mseafood Corporation (gọi chung là Tập đoàn).

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến
3. Ngành nghề kinh doanh : Mua, chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Trồng các loại thủy sản dưới nước; Sản xuất kinh doanh giống thủy sản. Kinh doanh tòa nhà cao ốc và văn phòng cho thuê.

4. Tổng số các công ty con được hợp nhất : 7

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	97,50 %	97,50 %
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Ấp Thạnh Điền, Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	95,00%	95,00%
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú- Kiên Giang	Ấp Cảng, Xã Hòa Điền, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	99,10%	99,10%
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận	98,50%	98,50%
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú- Hậu Giang	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang	90%	90%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Cà Mau - Việt Nam	100%	100%
Mseafood Corporation	California - Hoa Kỳ	90,00%	90,00%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính quý II năm 2010 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2010 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.



**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Chế độ kế toán áp dụng  
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán  
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
3. Hình thức kế toán áp dụng  
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất  
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. Cơ sở hợp nhất  
**Các Công ty con**  
Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**Hợp nhất kinh doanh**

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**3. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn giá trị thị trường vào thời điểm cuối năm.

**4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

**8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Bản cáo tài chính hợp nhất.*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi bắt đầu sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bắt đầu sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bắt đầu sản đầu tư là 27 năm.

**9. Tài sản cố định vô hình*****Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 43 -50 năm, chi phí đền bù giải tỏa san lấp mặt bằng được khấu hao từ 04 đến 12 năm.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 3 đến 8 năm.

**10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**12. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

**13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch do phát hành cổ phần cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

**14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chợ kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

**16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

- Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo. Năm tài chính 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm thuế.
- Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo. Năm tài chính 2009 là năm tài chính thứ 4 Công ty được miễn thuế.
- Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được miễn thuế.
- Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế nộp trong 8 năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế đối với các thiết bị, máy móc nhập khẩu để tạo tài sản cố định và miễn tiền thuế đất trong 11 năm kể từ khi đi vào hoạt động. Quý II năm 2010 Công ty vẫn trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy.
- Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Công ty CP Msea food Corporation có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập liên bang theo quy định của luật pháp và quy định của Hoa Kỳ.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

**17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trung năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 : 18.479 VND/USD

30/06/2010 : 18.544 VND/USD

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.314.363.519	2.742.284.057
Tiền gửi ngân hàng	168.628.102.785	75.372.835.757
Các khoản tương đương tiền	51.364.713.252	73.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>228.307.179.556</u></b>	<b><u>151.115.119.814</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	11.267.580.000	14.644.080.000
- Cổ phiếu	11.267.580.000	14.644.080.000
Đầu tư ngắn hạn khác	183.739.786.865	226.200.082.284
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	175.704.515.908	225.769.130.999
- Đầu tư ngắn hạn khác	8.035.270.957	430.951.285
<b>Cộng</b>	<b>195.007.366.865</b>	<b>240.844.162.284</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.963.780.000)	(11.137.200.000)
- Cổ phiếu	<u>(7.963.780.000)</u>	<u>(11.137.200.000)</u>
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b><u>187.043.586.865</u></b>	<b><u>229.706.962.284</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau :

Số đầu năm	11.137.200.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.173.420.000)
Số cuối kỳ	<u>7.963.780.000</u>

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ bán hàng xuất khẩu	156.560.722.155	158.813.562.582
Phải thu từ bán hàng trong nước	10.506.923.790	15.532.317.873
<b>Cộng</b>	<b><u>167.067.645.945</u></b>	<b><u>174.345.880.455</u></b>

**4. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước người bán trong nước	63.129.504.907	17.783.576.966
Trả trước người bán nước ngoài	38.708.560.160	-
<b>Cộng</b>	<b><u>101.838.065.067</u></b>	<b><u>17.783.576.966</u></b>

Khoản trả trước cho người bán phần lớn là khoản chi ứng theo hợp đồng cho nhà cung cấp thi công, xây dựng công trình nhà máy Minh Phú Hậu Giang

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Bản cáo tài chính hợp nhất*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu tiền gửi, tiền cho vay	2.309.585.557	9.518.620.163
Phải thu Công ty cổ phần đầu khí Vũng Tàu - tiền chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	29.836.850.000
Phải thu tiền bảo hiểm của nhân viên	183.592.715	82.470.275
Phải thu khác	94.832.410	63.541.220
<b>Cộng</b>	<b>2.588.010.682</b>	<b>39.501.481.658</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	44.826.899.464	31.055.138.713
Công cụ, dụng cụ	3.485.506.943	3.448.519.467
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.202.779.591	4.673.808.169
Thành phẩm	569.917.630.581	343.457.082.859
Hàng hóa	329.061.808.057	374.692.389.523
<b>Cộng</b>	<b>973.494.624.636</b>	<b>757.326.938.731</b>
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>(18.232.176.403)</i>	<i>(7.329.195.819)</i>
<i>Thành phẩm</i>	<i>(18.232.176.403)</i>	<i>(5.203.083.250)</i>
<i>Hàng Hóa</i>	<i>-</i>	<i>(2.126.112.569)</i>
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>955.262.448.233</b>	<b>749.997.742.912</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho Cán bộ CNV	12.262.665.161	6.278.386.000
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	21.592.189.730	-
<b>Cộng</b>	<b>33.854.854.891</b>	<b>6.278.386.000</b>

**10. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu còn bộ công nhân viên công ty <sup>(a)</sup>	74.425.455	426.835.455
Phải thu cơ quan thương mại Mỹ về khoản thuế chống bán phá giá <sup>(b)</sup>	98.951.112.785	119.473.568.534
<b>Cộng</b>	<b>99.025.538.240</b>	<b>119.900.403.989</b>

<sup>(a)</sup> Khoản phải thu dài hạn công nhân viên công ty tiền mua nhà tập thể trả góp.<sup>(b)</sup> Từ năm 2004, tất cả các Công ty có hoạt động kinh doanh thủy sản tại Hoa Kỳ là đối tượng phải nộp thuế về chống bán phá giá. Mức thuế áp dụng sẽ không cố định mà tùy thuộc vào quyết định hằng năm của Bộ thương mại Hoa kỳ. Trong tháng 9 năm 2008 Công ty đã nhận được quyết định chính thức từ Bộ thương mại Hoa kỳ ghi nhận mức thuế suất áp dụng cho giai đoạn từ năm tháng 2 năm 2006 đến tháng 1 năm 2007 là 0,01% trên giá trị hàng thủy sản nhập vào Hoa kỳ. Mức thuế suất này dự kiến được áp dụng cho giai đoạn tiếp theo cho đến nay.

Khoản nợ phải thu trên là số tiền sẽ được Hải Quan Hoa kỳ hoàn lại là phần chênh lệch giữa mức thuế Công ty đã nộp theo thuế suất cao hơn và mức thuế được tính theo quyết định chính thức.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Bản cáo tài chính hợp nhất.*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	113.550.675.010	271.917.238.734	25.527.374.384	5.252.727.845	416.248.015.973
Tăng trong kỳ	5.272.762.186	23.641.995.189	2.076.000.461	204.412.581	31.195.170.417
Mua sắm mới	5.194.222.595	23.640.697.570	2.706.000.461	204.141.365	31.115.061.991
Tăng khác do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	78.539.591	1.297.619	-	271.216	80.108.426
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>118.823.437.196</b>	<b>295.559.233.923</b>	<b>27.603.374.845</b>	<b>5.457.140.426</b>	<b>447.443.186.390</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.246.808.906	23.469.058.150	177.727.619	637.833.149	35.731.427.884
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	26.270.293.617	85.438.830.297	6.085.917.046	3.188.065.909	120.983.106.869
Tăng trong kỳ	3.279.932.620	12.372.280.951	1.357.993.274	330.628.967	17.340.835.812
Khấu hao trong kỳ	3.277.369.576	12.371.239.781	1.357.993.274	330.357.751	17.336.960.382
Tăng khác do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	2.563.044	1.041.170	-	271.216	3.875.430
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.550.226.237</b>	<b>97.811.111.248</b>	<b>7.443.910.320</b>	<b>3.518.694.876</b>	<b>138.323.942.681</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	87.280.381.393	186.478.408.437	19.441.457.338	2.064.661.936	295.264.909.104
Số cuối kỳ	89.273.210.959	197.748.122.675	20.159.464.525	1.938.445.550	309.119.243.709
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	10.694.596.619	1.625.227.291	973.664.767	13.293.488.677
Mua trong kỳ	12.296.852.773	-	-	12.296.852.773
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.991.449.392</b>	<b>1.625.227.291</b>	<b>973.664.767</b>	<b>25.590.341.450</b>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.941.382.632	63.141.883	-	2.004.524.515
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	2.576.070.705	331.429.328	127.503.717	3.035.003.750

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Khấu hao trong kỳ	154.269.480	55.189.548	69.547.482	279.006.510
Số cuối kỳ	2.730.340.185	386.618.876	197.051.199	3.314.010.260
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.118.525.914	1.293.797.963	846.161.050	10.258.484.927
Số cuối kỳ	20.261.109.207	1.238.608.415	776.613.568	22.276.331.190
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	12.425.843.690	27.285.266.673	(33.444.734.880)	6.266.375.483
XDCB dở dang (a)	109.120.337.124	57.491.628.525	(1.135.533.770)	162.476.431.879
Cộng	121.546.180.814	84.776.895.198	(37.580.268.650)	168.742.807.362

(a) Phần lớn chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản chi phí đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng, thi công, xây dựng công trình, mua máy móc thiết bị cho nhà máy Chế biến Thủy sản Minh Phú-Hậu Giang

**14. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	10.882.598.537
Tăng trong kỳ	38.279.609
Tăng khác chênh lệch tỷ giá hợp nhất	38.279.609
Số cuối kỳ	10.920.878.146
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	401.844.334
Tăng trong kỳ	39.131.986
Khấu hao trong kỳ	37.718.496
Tăng khác chênh lệch tỷ giá hợp nhất	1.413.493
Số cuối kỳ	440.976.320
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	10.480.754.203
Số cuối kỳ	10.479.901.826

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị cân hộ thuộc sở hữu của Mseafood Corporation đang được sử dụng để cho thuê tại Hoa Kỳ.

**15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*



**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào quỹ tâm nhìn SSI <sup>(a)</sup>	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau <sup>(b)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang <sup>(c)</sup>	950.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>205.950.000.000</u></b>	<b><u>205.000.000.000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn <sup>(d)</sup>	<u>(12.280.000.000)</u>	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư dài hạn</b>	<b><u>193.670.000.000</u></b>	<b><u>205.000.000.000</u></b>

<sup>(a)</sup> Khoản đầu tư vào quỹ tâm nhìn SSI theo quyết định của Hội đồng quản trị đã có giấy xác nhận sơ hữu chứng chỉ quỹ.

<sup>(b)</sup> Khoản đầu tư góp vốn 10% vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau.

<sup>(c)</sup> Khoản góp vốn vào công ty liên kết, Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang với vốn điều lệ là : 200.000.000.000 tỷ đồng. Trong đó Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 40%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là : Thi công xây dựng cảng Container và hàng hóa vật tư, thi công xây dựng kho, cảng xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh hàng hóa vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất.

<sup>(d)</sup> Là khoản dự phòng khoản đầu tư vào quỹ tâm nhìn SSI

**16. Lợi thế thương mại**

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2008, Tập đoàn mua lại 90% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Mseafood Corporation, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ và chuyên mua bán mặt hàng thủy sản được nhập từ các công ty thuộc cùng Tập đoàn tại Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ.

Chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư và giá trị hợp lý được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại phát sinh vào ngày mua trị giá 1.819.459 Đô la Mỹ (tương đương 30.888.957 ngàn VNĐ) đã được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Tổng chi phí khấu trừ của lợi thế thương mại trong kỳ báo cáo là : 1.544.447.857 VNĐ.

**17. Tài sản dài hạn khác**

- Chi phí trả trước dài hạn gồm : công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản dài hạn khác là khoản tiền gửi kỳ quỹ, kỳ cược có lãi suất tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trong vụ kiện chống bán phá giá tôm của Mseafood Corporation.

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		
- Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín <sup>(a)</sup>	161.523.280.312	138.596.872.524
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(b)</sup>	124.408.157.049	151.981.143.727
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(c)</sup>	569.161.998.016	385.150.755.016
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(d)</sup>	37.000.000.000	65.000.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	2.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>894.793.435.377</u></b>	<b><u>740.728.771.267</u></b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh với lãi suất tại từng thời điểm. Khoản vay này tin chấp không có tài sản đảm bảo.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÙ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (liếp theo)

<sup>10)</sup> Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động thu mua, chế biến hàng thủy hải sản xuất khẩu với lãi suất thời điểm. Khoản vay này tin chấp không có tài sản đảm bảo.

<sup>10)</sup> Khoản vay Ngân hàng Công thương Cà Mau. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú và Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý.

<sup>10)</sup> Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh "thu mua nguyên liệu chế biến hàng thủy sản xuất khẩu" với lãi suất thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tiền gửi có kỳ hạn và tài sản hình thành trong tương lai.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	740.728.771.267	1.955.484.755.872	(1.798.515.315.200)	897.698.211.939
Vay dài hạn đến hạn trả		5.400.000.000	(2.700.000.000)	2.700.000.000
Chênh lệch tỷ giá			(5.604.776.562)	(5.604.776.562)
<b>Cộng</b>	<b>740.728.771.267</b>	<b>1.960.884.755.872</b>	<b>(1.806.820.091.762)</b>	<b>894.793.435.377</b>

**19. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả trong nước	92.510.959.984	64.985.685.844
Phải trả nước ngoài	25.394.907.062	3.021.774.409
<b>Cộng</b>	<b>117.905.867.046</b>	<b>68.007.460.253</b>

**20. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trong nước	49.589.356	94.971.174
Người mua nước ngoài	716.220.373	407.728.808
<b>Cộng</b>	<b>765.809.729</b>	<b>502.699.982</b>

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	396.123.928	122.877.033.737	(123.271.697.240)	1.460.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.271.346.992	18.921.870.635	(7.263.103.554)	23.930.114.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	(1.690.960.550)	1.690.960.550		
Các loại thuế khác	996.165.103	1.174.378.174	(1.242.256.894)	928.286.383
<b>Cộng</b>	<b>11.972.675.473</b>	<b>144.664.243.096</b>	<b>(131.777.057.688)</b>	<b>24.859.860.881</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%.

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nuôi trồng thủy sản và sản xuất tôm giống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng nên thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang và Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú không được khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.16.

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.131.452.173	124.440.216.135
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	73.131.452.173	124.440.216.135
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.718.375.281	22.007.562.513

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định của Nhà Nước.

**22. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả cho người lao động.	20.071.154.474	20.064.407.499
Cộng	20.071.154.474	20.064.407.499

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	99.119.658
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Lãi vay phải trả	9.980.000.000	322.693.268
Phải trả tiền hoa hồng môi giới xuất khẩu	392.099.083	230.690.000
Các khoản phải trả khác	443.382.776	392.099.083
Cộng	14.815.481.859	5.044.602.009

**24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(a)</sup>	4.849.800.000	10.249.800.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(b)</sup>	29.619.923.303	25.797.448.219
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(c)</sup>	62.216.053.715	-
Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi 5 năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	296.685.777.018	236.047.248.219

<sup>(a)</sup> Khoản vay ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để mua sắm tài sản cố định với lãi suất 5,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

<sup>(b)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Cà Mau để đầu tư kho lạnh thành phẩm 1.000 tấn. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(10) Khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị, các chi phí hợp lệ liên quan như: bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho Nhà Máy Chế Biến Thủy Sản Minh Phú - Hậu Giang

Tình hình tăng giảm các khoản vay dài hạn trong kỳ:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	36.047.248.219	68.702.053.715	(5.400.000.000)	(2.663.524.916)	96.685.777.018
Trái phiếu ghi số không chuyển đổi 5 năm (a)	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>236.047.248.219</b>	<b>68.702.053.715</b>	<b>(5.400.000.000)</b>	<b>(2.663.524.916)</b>	<b>296.685.777.018</b>

a) Trái phiếu ghi số không chuyển đổi 5 năm phát hành ngày 31 tháng 12 năm 2007 lãi suất 9,98%/năm, tiền lãi trả ngày 31 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 12 năm 2012.

**25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.867.057.234	3.889.956.510
<b>Cộng</b>	<b>3.867.057.234</b>	<b>3.889.956.510</b>

**26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:*

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu	700.000.000.000			700.000.000.000
Thặng dư cổ phần	177.878.869.236			177.878.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	52.534.528.823		(3.087.894.024)	49.446.632.500
Lợi nhuận chưa phân phối	105.216.257.459	99.441.025.361	(25.705.202.125)	178.952.080.695
Quỹ đầu tư và phát triển	39.893.962.999	40.000.000	(16.211.690.167)	23.722.272.832
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.075.521.616.317</b>	<b>99.481.025.361</b>	<b>(45.004.788.316)</b>	<b>1.129.997.855.302</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

**27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi***Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	9.147.763.041	19.709.240.100	(13.192.110.583)	15.664.892.558
Quỹ phúc lợi	3.283.296.122	5.995.962.025	(2.903.702.030)	6.375.556.117
<b>Cộng</b>	<b>12.431.059.163</b>	<b>25.705.202.125</b>	<b>(16.095.812.613)</b>	<b>22.040.448.675</b>

**28. Lợi ích của Cổ đông thiểu số**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số	25.900.000.000	10.900.000.000
Vốn phải trả do hợp nhất kinh doanh	32.494.687.000	32.494.687.000
Lãi thực hiện lũy kế đến thời điểm cuối kỳ	6.066.121.763	6.380.182.198
Cổ tức đã chia năm nay	(2.271.127.677)	(3.305.688.696)
<b>Cộng</b>	<b>62.189.681.086</b>	<b>46.469.180.502</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Tổng doanh thu	991.874.569.325	1.657.137.742.524
Các khoản giảm trừ doanh thu:	26.392.888.889	28.681.719.113
- Hàng bán bị trả lại	26.392.888.889	28.681.719.113
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>965.481.680.436</b>	<b>1.628.456.023.411</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã cung cấp.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Lãi chênh lệch tỷ giá	274.418.645	18.291.292.523
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.882.731.011	11.461.141.045
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	67.200.000
Doanh thu bán chứng khoán	1.660.000.000	1.660.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.817.149.656</b>	<b>31.479.633.568</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí lãi vay	35.940.903.091	59.802.820.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.387.023.707	2.527.371.156
Giá vốn chứng khoán	4.234.500.000	4.234.500.000
Dự Phòng giảm giá	12.280.000.000	12.1280.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.173.420.000)	(3.173.420.000)
Chi phí khác	2.490.184	2.490.184
<b>Cộng</b>	<b>51.671.496.982</b>	<b>75.673.762.297</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí cho nhân viên	1.404.034.085	2.559.331.519

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	347.672.767	757.564.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.282.722	89.529.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.510.860.266	82.957.420.562
Chi phí khác	5.830.734.395	11.434.735.675
<b>Cộng</b>	<b>61.139.584.235</b>	<b>97.798.582.111</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí cho nhân viên	3.097.790.619	6.290.901.515
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.611.947	599.046.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.273.469.041	2.484.106.389
Chi phí thuế, phí và lệ phí	141.367.831	418.892.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.317.691	518.506.305
Chi phí khác	4.680.323.033	8.434.647.379
<b>Cộng</b>	<b>9.777.880.162</b>	<b>18.746.100.499</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Phí máy bay, gửi mẫu được thanh toán	932.242.211	2.184.999.415
Thu tiền cho thuê	-	51.901.000
Hoàn thuế nhập khẩu	130.456.287	130.456.287
Thu nhập khác	398.304.799	783.919.810
<b>Cộng</b>	<b>1.461.003.297</b>	<b>3.152.276.512</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phạt chậm nộp thuế	45.505.327	80.514.181
Chi phí khác	193.122.896	290.486.656
<b>Cộng</b>	<b>238.628.223</b>	<b>371.000.837</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.997.974.626	99.441.025.361
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.997.974.626	99.441.025.361
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	871	1.421
<i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:</i>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

**CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	707.003.360.342	659.881.655.775
Chi phí nhân công	54.279.956.566	39.562.548.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.793.979.100	9.263.703.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.926.041.423	36.290.608.325
Chi phí khác	11.932.366.295	10.469.181.263
<b>Cộng</b>	<b>844.935.703.726</b>	<b>1.600.403.401.340</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thay đổi chính sách kế toán**

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Trần Thế Vinh  
Người lập biểu



Lưu Minh Trung  
Kế Toán trưởng



Lê Văn Điệp  
P. Tổng Giám đốc